

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY XÂY LẮP DẦU KHÍ NGHỆ AN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2011
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Hải Triều	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Bàng	Ủy viên
Ông Lê Phi Hùng	Ủy viên
Ông Tô Văn Tám	Ủy viên
Ông Đồng Xuân Bình	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Bàng	Tổng Giám đốc
Ông Đồng Xuân Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tô Văn Tám	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm 13/05/2011)
Ông Phan Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Nghĩa Hòa	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm 25/05/2011)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Cường	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm 23/06/2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Ngọc Bàng
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 9 năm 2011

Số: 2478/2011/BCSX-IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ
ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011
của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
 Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến 30 tháng 06 năm 2011 được lập ngày 30 tháng 08 năm 2011 của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 4 đến trang 23 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan

Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV
Ngày 14 tháng 9 năm 2011

Nguyễn Thị Thanh Hoa
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1402/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mẫu B 01 - DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		881.721.184.565	1.032.157.379.692
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	52.813.367.200	241.881.688.648
1. Tiền	111		27.747.123.759	85.881.688.648
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.066.243.441	156.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		225.589.684.610	165.381.080.850
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	225.589.684.610	165.381.080.850
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		468.592.535.470	494.753.362.762
1. Phải thu của khách hàng	131		108.574.528.889	199.366.096.653
2. Trả trước cho người bán	132		180.821.151.633	132.531.200.407
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		49.947.039.674	24.826.767.863
4. Các khoản phải thu khác	135		131.141.392.147	139.920.874.712
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.891.576.873)	(1.891.576.873)
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	102.184.574.251	89.202.254.120
1. Hàng tồn kho	141		102.184.574.251	89.202.254.120
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		32.541.023.034	40.938.993.312
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15.063.313.486	7.999.699.439
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		685.491.025	22.500.732.531
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		269.442.796	196.607.901
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	16.522.775.727	10.241.953.441
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.134.770.685.757	909.185.389.521
I. Tài sản cố định	220		1.004.579.140.328	804.976.870.122
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	141.177.018.569	158.679.778.361
- Nguyên giá	222		246.944.687.798	257.770.190.830
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(105.767.669.229)	(99.090.412.469)
2. Tài sản cố định vô hình	227		128.040.685	130.961.421
- Nguyên giá	228		321.070.019	325.423.619
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(193.029.334)	(194.462.198)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	863.274.081.074	646.166.130.340
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		54.324.875.901	46.800.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.7	54.324.875.901	46.800.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		30.149.587.817	21.603.164.923
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		24.384.058.654	16.119.196.932
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		5.614.093.783	5.332.532.611
3. Tài sản dài hạn khác	268		151.435.380	151.435.380
VI. Lợi thế thương mại	269		45.717.081.711	35.805.354.476
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.016.491.870.322	1.941.342.769.213

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mẫu B 01 - DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.799.178.052.195	1.709.178.159.164
I. Nợ ngắn hạn	310		1.110.623.322.152	1.154.060.581.028
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8	229.766.897.015	213.642.858.819
2. Phải trả cho người bán	312		416.552.975.064	451.608.462.049
3. Người mua trả tiền trước	313		126.818.875.338	106.111.343.662
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	8.918.287.501	13.073.444.487
5. Phải trả người lao động	315		8.776.292.072	7.313.861.389
6. Chi phí phải trả	316	V.10	48.024.942.934	44.147.035.638
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		250.194.069.724	316.805.923.400
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		21.570.982.504	1.357.651.584
II. Nợ dài hạn	330		688.554.730.043	555.117.578.136
1. Phải trả dài hạn khác	333		23.414.000	225.844.558
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.11	687.770.244.949	554.130.662.484
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		761.071.094	761.071.094
B. NGUỒN VỐN	400		135.619.074.652	171.409.649.142
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	135.619.074.652	171.409.649.142
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		380.952.382	380.952.382
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		31.457.305.323	8.083.750.659
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		22.660.195.858	6.885.584.748
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(18.879.378.911)	56.059.361.353
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		81.694.743.475	60.754.960.907
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.016.491.870.322	1.941.342.769.213

Nguyễn Ngọc Bằng

Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 8 năm 2011

Cao Thị Thanh

Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU B 02 - DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	291.484.561.795	136.160.425.193
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	3.200.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		291.484.561.795	136.157.225.193
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	265.432.520.298	120.024.196.080
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.052.041.497	16.133.029.113
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	24.750.962.967	7.869.590.011
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	22.836.670.168	10.266.656.509
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.834.085.335	10.266.656.509
8. Chi phí bán hàng	24		1.837.643.349	1.302.065.537
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		25.094.486.664	8.450.138.718
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.034.204.283	3.983.758.360
11. Thu nhập khác	31	VI.5	5.420.068.249	1.564.851.188
12. Chi phí khác	32		1.285.537.704	1.297.136.261
13. Lợi nhuận khác	40		4.134.530.545	267.714.927
14. Lãi/(lỗ) trong Công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.168.734.828	4.251.473.287
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3.647.918.895	8.917.977.977
17. Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	52		(281.561.172)	(7.828.349.044)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.802.377.105	3.161.844.354
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		1.738.130.425	175.178.081
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		64.246.680	2.986.666.273
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	6	299

Nguyễn Ngọc Băng
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 8 năm 2011

Cao Thị Thanh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mẫu B 03 - DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	5.168.734.828	4.251.473.287
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	11.469.859.576	9.308.250.897
Các khoản dự phòng	03	1.891.576.873	3.944.279.307
Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	123.775.824	333.448.360
Chi phí lãi vay	06	22.834.085.335	10.266.656.509
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	41.488.032.436	28.104.108.360
Tăng các khoản phải thu	09	72.100.399.951	(593.162.425.282)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	(12.982.320.131)	(53.965.303.050)
Tăng các khoản phải trả	11	(22.364.372.019)	681.906.420.809
Tăng chi phí trả trước	12	(15.328.475.769)	(93.509.303.609)
Tiền lãi vay đã trả	13	(17.131.632.996)	(2.446.051.455)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(9.119.213.740)	(1.071.059.209)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	36.662.417.732	(34.143.613.436)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm TSCĐ	21	(287.626.354.141)	(11.523.079.413)
Thu tiền bán thanh lý tài sản cố định	22	81.500.000	1.713.533.700
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(337.317.337.519)	(305.209.831.718)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	262.029.865.350	232.080.230.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.000.000.000)	(40.000.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	(11.662.033.531)	541.421.962
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(375.494.359.841)	(122.397.725.469)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	283.296.131.183	238.129.371.675
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(133.532.510.522)	(39.362.164.275)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(10.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	149.763.620.661	188.767.207.400
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(189.068.321.448)	32.225.868.495
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	241.881.688.648	69.016.115.850
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	52.813.367.200	101.241.984.345

Nguyễn Ngọc Băng
Tổng Giám đốc

Cao Thị Thanh
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 30 tháng 8 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 284/QĐ-UB-ĐMDN ngày 19 tháng 01 năm 2005 của UBND tỉnh Nghệ An. Tiền thân của Công ty là Công ty Xây dựng số 1 Nghệ An thuộc Sở Xây dựng Nghệ An. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000523 ngày 12 tháng 3 năm 1997, đăng ký cổ phần hoá ngày 22 tháng 3 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 8 tháng 5 năm 2006 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An cấp với tổng số vốn điều lệ của Công ty là 10.000.000.000 đồng, và đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư số 1 Nghệ An.

Ngày 4 tháng 5 năm 2007, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tiếp nhận Công ty là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo Quyết định số 2397/QĐ-DKVN của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo đó, Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư số 1 Nghệ An đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An. Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000523 ngày 12 tháng 3 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 20 tháng 10 năm 2008 với tổng số vốn điều lệ là 45.000.000.000 đồng.

Ngày 01 tháng 04 năm 2008, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã chuyển quyền sở hữu toàn bộ cổ phần của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An cho Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng chuyển quyền sở hữu cổ phần số 2234/2008/PVN-PVC.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 10 tháng 4 năm 2009, Công ty đã thông nhất phương án tăng vốn điều lệ từ 45 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng. Trong năm 2009, Công ty đã hoàn thành đợt tăng vốn này.

Ngày 08/10/2010, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An.

Trong năm 2010, Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty cho các cổ đông khác trên thị trường chứng khoán. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam trong Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An là 0%.

Hoạt động chính của Công ty:

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, điện năng (đường dây, trạm hạ thế dưới 110 KV), công trình nhà ở, công sở, thương mại, công trình cấp thoát nước;
- Sản xuất mua bán vật liệu xây dựng;
- Tư vấn theo dõi, giám sát thi công các công trình xây dựng;
- Mua bán các thiết bị ngành điện, nước, sơn các loại, xe máy, đồ gỗ dân dụng, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành, ăn uống;
- Cho thuê văn phòng làm việc;
- Đào tạo nghề ngắn hạn, dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ cung ứng lao động cho các doanh nghiệp xuất khẩu lao động;
- Khai thác chế biến mua bán khoáng sản (đá, cát, sỏi, quặng các loại...);
- Kinh doanh phân bón nông nghiệp, các sản phẩm từ nông sản, dịch vụ cây giống;
- Kinh doanh các loại sản phẩm từ gỗ, khai thác và sơ chế gỗ, đồ mỹ nghệ;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Hoạt động chính của Công ty (tiếp theo)

- Đầu tư kinh doanh kho công nghiệp, khu đô thị, thủy điện dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy điện, điện năng, công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Trang trí nội thất, tư vấn thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh xăng dầu;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn đấu thầu, tư vấn quản lý dự án.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 về hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ Kế toán doanh nghiệp của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

Các ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và các công ty con, giữa các công ty con của Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Công ty có 4 công ty con. Chi tiết thông tin về các công ty con của Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Dầu khí Nghệ An
Địa chỉ: Khối 14, phường Hưng phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
Hoạt động chính: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng.
Giá trị đầu tư: 54.450.000.000 đồng.
Tỷ lệ lợi ích: 99,00%.
Tỷ lệ biểu quyết: 99%.
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An
Địa chỉ: Tầng 23-24 tòa nhà Dầu khí, Số 7 Quang Trung, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
Hoạt động chính: Là công ty hoạt động trong lĩnh vực đầu tư và thương mại.
Giá trị đầu tư: 91.645.000.000 đồng.
Tỷ lệ lợi ích: 54%.
Tỷ lệ biểu quyết: 54%.
3. Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí 12-9
Địa chỉ: Km 62, quốc lộ 7, xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.
Hoạt động chính: Sản xuất, kinh doanh xi măng.
Giá trị đầu tư: 202.784.937.195 đồng.
Tỷ lệ lợi ích: 96,27%.
Tỷ lệ biểu quyết: 96,27%.
4. Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Dầu khí Nghệ An
Địa chỉ: Tòa nhà Dầu khí, số 7 Quang Trung, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An.
Hoạt động chính: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp.
Giá trị đầu tư: 0 đồng.
Tỷ lệ lợi ích: 0%.
Tỷ lệ biểu quyết: 51%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu và dự phòng nợ khó đòi trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 27/02/2006 ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trị giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Số năm khấu hao

Nhà cửa và vật kiến trúc	06 - 20
Máy móc và thiết bị	03 - 19
Phương tiện vận tải	05 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản	03 - 07

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm

Chi phí trả trước dài hạn còn bao gồm tiền thuê đất của Văn phòng Tổng công ty và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 49 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	15.731.353.653	7.411.825.148
Tiền gửi ngân hàng	12.015.770.106	78.469.863.500
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	25.066.243.441	156.000.000.000
	52.813.367.200	241.881.688.648

2. Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu	1.000.000.000	1.104.337.724
Cho vay	224.589.684.610	164.276.743.126
Công ty CP ĐT và Xây lắp Dầu Khí số 1 Nghệ An	38.600.276.552	27.586.881.983
Công ty TNHH Xây dựng Thanh Sơn	1.000.000.000	1.000.000.000
Ông Phan Mạnh Hùng	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Dầu khí VIP Việt nam	105.486.668.886	78.513.872.886
Công ty CP Khoáng sản Xây dựng Dầu khí Nghệ An	22.300.000.000	24.200.000.000
Đối tượng khác	55.202.739.172	30.975.988.257
	225.589.684.610	165.381.080.850

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. Hàng tồn kho

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.231.315.121	9.977.272.870
Công cụ, dụng cụ	202.546.646	719.028.275
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	84.241.982.146	70.320.693.251
Thành phẩm	4.471.454.250	7.586.519.065
Hàng hóa	37.276.088	598.740.659
Tổng cộng	102.184.574.251	89.202.254.120
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	102.184.574.251	89.202.254.120

4. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng thi công công trình	15.869.920.118	9.647.579.861
Cầm cố ký cược ký quỹ	652.855.609	594.373.580
	16.522.775.727	10.241.953.441

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY XÂY LẮP DẦU
KHÍ NGHỆ AN**
Tòa nhà Dầu khí, số 7 Quang Trung, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động
từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2011	90.622.334.918	103.578.661.644	43.803.723.434	2.321.804.346	17.443.666.488	257.770.190.830
Mua trong kỳ	4.300.401.001	3.656.683.616	4.517.335.085	-	-	12.474.419.702
Tăng khác	-	7.644.229	952.833.695	59.581.818	28.012.771	1.048.072.513
Thanh lý, nhượng bán		(11.000.000)	-	(169.866.816)	(636.994.887)	(817.861.703)
Giảm khác		(21.393.342.005)	(1.119.206.844)	(64.751.000)	(952.833.695)	(23.530.133.544)
Tại ngày 30/06/2011	94.922.735.919	85.838.647.484	48.154.685.370	2.146.768.348	15.881.850.677	246.944.687.798
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2011	37.911.825.865	42.708.973.362	15.017.596.580	1.120.012.406	2.332.004.256	99.090.412.469
Khấu hao trong kỳ	3.271.954.046	6.762.273.150	3.705.270.941	-	-	13.739.498.137
Tăng khác	-	1.400.000.000	-	2.979.090	-	1.402.979.090
Thanh lý, nhượng bán	-	(11.000.000)	-	(207.599.315)	(393.986.564)	(612.585.879)
Giảm khác	-	(7.281.135.383)	(546.370.349)	(13.573.300)	(11.555.556)	(7.852.634.588)
Tại ngày 30/06/2011	41.183.779.911	43.579.111.129	18.176.497.172	901.818.881	1.926.462.136	105.767.669.229
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2011	52.710.509.053	60.869.688.282	28.786.126.854	1.201.791.940	15.111.662.232	158.679.778.361
Tại ngày 30/06/2011	53.738.956.008	42.259.536.355	29.978.188.198	1.244.949.467	13.955.388.541	141.177.018.569

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Khu chung cư Trường Thi	32.621.128.045	43.921.505.149
Dự án tòa nhà Dầu khí Nghệ An	414.425.815.035	317.009.658.526
Dự án Tổ hợp Dịch vụ Nghi Phú	18.881.546.720	30.617.544.680
Dự án kinh doanh các sản phẩm dầu khí	1.095.868.805	906.247.405
Dự án thay đổi công nghệ, bổ sung thiết bị, nâng công suất 1.500 tấn Clinker/ngày	392.043.656.200	251.549.224.843
Khu sinh thái Hoàng Mai Ngọc	1.247.256.704	1.251.792.774
Khác	2.958.809.565	910.156.963
	863.274.081.074	646.166.130.340

7. Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh

	Tỷ lệ sở	Tỷ lệ biểu quyết	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
Công ty CP Đầu tư Dầu khí V.I.P Việt Nam	26%	26%	46.800.000.000	46.800.000.000
Công ty CP Đầu tư Đô thị Dầu khí Cửa Lò	1%	49%	1.274.875.901	-
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp số 1 Nghệ An	35%	35%	5.250.000.000	-
Công ty CP cơ khí đóng tàu Nghệ An	9%	35%	1.000.000.000	-
			54.324.875.901	46.800.000.000

8. Vay và nợ ngắn hạn

		30/06/2011	01/01/2011
		VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nghệ An	(i)	60.893.192.183	6.683.514.753
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần dầu khí Việt Nam	(ii)	3.002.120.000	33.119.256.937
Ngân hàng CP Đại Dương - CN Vinh	(iii)	26.817.340.505	34.545.000.000
Ngân hàng Công thương Bến Thủy		478.027.000	-
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu Khí VN	(iv)	22.623.638.889	22.623.638.889
Vay đối tượng khác	(v)	115.952.578.438	102.510.448.240
Ngân hàng Ocean Bank	(vi)	-	651.000.000
Ngân hàng ĐT và PT Nghệ An - CN Tây Nghệ An	(vii)	-	13.510.000.000
		229.766.897.015	213.642.858.819

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. Vay và nợ ngắn hạn (Tiếp theo)

- (i) Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nghệ An theo Hợp đồng số 01/2011/HĐTD ngày 15/6/2011 với hạn mức tín dụng là 140.000.000.000 đồng. Lãi suất vay là lãi ngân hàng tại thời điểm vay. Thời hạn theo từng khế ước vay thông thường từ 3 đến 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ các tài sản còn lại thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên vay.
- (ii) Vay Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam theo hợp đồng số 27/TDHM-NH/TD10 ngày 21/4/2010 với hạn mức tín dụng là 40 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay theo từng thời điểm vay. Khoản vay trên được đảm bảo bởi hình thức tín chấp.
- (iii) Vay Ngân hàng CP Đại Dương - CN Vinh theo từng hợp đồng với từng khoản vay. Lãi suất theo lãi suất ngân hàng tại thời điểm vay. Khoản vay trên được đảm bảo bởi hình thức tín chấp.
- (iv) Vay Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí VN với hạn mức tín dụng là 22.623.638.889 đồng để trả tiền chuyển nhượng cổ phần lãi suất 5,5%/năm. Khoản vay trên được đảm bảo bởi hình thức tín chấp.
- (v) Các đối tượng khác là ngân hàng hoặc cá nhân do các xí nghiệp, đội thi công thuộc Công ty ký hợp đồng vay bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay dưới 1 năm, lãi suất thỏa thuận theo từng hợp đồng.
- (vi) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đại Dương theo hợp đồng tín dụng số 0202/2010/HĐTD02- OCEANBANK07 ngày 25 tháng 12 năm 2010 với thời hạn vay là 36 tháng. Khoản vay được dùng để bổ sung vốn lưu động của Công ty và chịu lãi suất là: 1.667%/tháng. Hình thức đảm bảo của khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay.
- (vii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Nghệ An theo các hợp đồng vay ngắn hạn với thời hạn từ 6 đến 9 tháng, lãi suất từ 13% - 17%/năm, mục đích vay vốn bổ sung vốn lưu động.

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT	3.822.210.347	982.310.705
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.741.871.535	11.871.501.964
Thuế thu nhập cá nhân	31.983.300	-
Các loại thuế khác	322.222.319	219.631.818
	8.918.287.501	13.073.444.487

10. Chi phí phải trả

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	33.904.360.827	35.585.966.734
Chi phí khác	14.120.582.107	8.561.068.904
	48.024.942.934	44.147.035.638

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

11. Vay và nợ dài hạn

		30/06/2011	01/01/2011
		VND	VND
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nghệ An (i)		448.099.003.056	328.025.534.532
Chi nhánh Ngân hàng TMCP Công thương Cửa Lò (ii)		5.004.000.000	6.670.000.000
TCT Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (iii)		230.161.408.556	213.326.794.617
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - Chi nhánh Vinh (iv)		1.300.000.000	2.100.000.000
Ngân hàng CP Đại Dương - CN Vinh (v)		3.205.833.337	4.008.333.335
		687.770.244.949	554.130.662.484

- (i) Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nghệ An theo các Hợp đồng số 01/2010/HĐ, số 02/2010/HĐ, số 03/2010/HĐ, số 04/2010/HĐ và 01/2009/HĐ để phục vụ cho dự án Đầu tư thiết bị thi công xây lắp của Công ty. Thời hạn vay dưới 5 năm, lãi suất vay là 12%/năm và thay đổi theo quy định của Ngân hàng. Thế chấp tài sản được hình thành từ vốn vay và vốn tự có đã đầu tư vào Dự án.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Công thương Cửa Lò theo hợp đồng tín dụng số 09200069/HĐTD ngày 4/8/2009. Tổng số tiền vay không quá 10.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 40 tháng. Lãi suất 10,5%/năm và thay đổi theo quy định của ngân hàng. Khoản vay được dùng để đầu tư dự án khai thác và chế biến đá xây dựng tại mỏ đá Cánh Sặt. Tài sản thế chấp là các máy móc, thiết bị, dụng cụ với tổng giá trị định giá là 14.397.000.000 đồng.
- (iii) Vay trung hạn Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa theo hợp đồng số 032/2009/HĐTD/PVFCTH ngày 12/08/2009 để đầu tư máy móc thiết bị. Tổng số tiền vay không vượt quá 8.955.000.000 đồng. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất tính theo lãi suất do bên cho vay công bố tại thời điểm rút vốn.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam với tổng số tiền là 2.100.000.000 đồng để mua 2 xe ô tô con. Thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất vay là 1,35%/tháng cố định trong thời gian 3 tháng kể từ ngày hợp đồng tín dụng có hiệu lực và thay đổi theo quy định của Ngân hàng. Tài sản thế chấp là phương tiện vận tải với tổng giá trị định giá là 3.069.700.000 đồng.
- (v) Vay Ngân hàng CP Đại Dương - CN Vinh theo hợp đồng số 0073/2010/HĐTD02-OCEAN BANK07 với số tiền vay 1,6 tỷ đồng mua máy đào bánh xích phục vụ thi công các công trình của công ty; Thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 15%/năm, HĐ số 0200/2010/HĐTD02-OCEAN Bank 07 số tiền vay 540 triệu mua xe ô tô 7 chỗ hiệu TOYOTA FORTUNER; Thời hạn vay 36 tháng; lãi suất 18%/năm; lãi suất điều chỉnh 3 tháng 1 lần .

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

12. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại 01/01/2010	100.000.000.000	380.952.382	1.617.480.660	501.546.232	26.646.726.417	129.146.705.691
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	58.007.631.026	58.007.631.026
Chi cổ tức	-	-	-	-	(10.815.910.000)	(10.815.910.000)
Phân phối các quỹ	-	-	6.466.269.999	6.384.038.516	(17.779.086.090)	(4.928.777.575)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại 01/01/2011	100.000.000.000	380.952.382	8.083.750.659	6.885.584.748	56.059.361.353	171.409.649.142
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	64.246.680	64.246.680
Phân phối các quỹ	-	-	23.373.554.664	15.774.611.110	(63.002.986.944)	(23.854.821.170)
Trả cổ tức	-	-	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Tại 30/06/2011	100.000.000.000	380.952.382	31.457.305.323	22.660.195.858	(18.879.378.911)	135.619.074.652

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	291.484.561.795	136.160.425.193
Trong đó:		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	284.398.147.446	94.479.914.361
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.086.414.349	41.680.510.832
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	291.484.561.795	136.160.425.193

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	259.705.980.934	83.745.803.689
Giá vốn cung cấp dịch vụ	5.726.539.364	36.278.392.391
	265.432.520.298	120.024.196.080

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.038.658.102	7.869.590.011
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	4.065.000.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.647.304.865	-
	24.750.962.967	7.869.590.011

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lãi tiền vay	22.834.085.335	10.266.656.509
Chi phí tài chính khác	2.584.833	
Cộng	22.836.670.168	10.266.656.509

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Chênh lệch đánh giá lại tài sản từ góp vốn vào Công ty con	3.114.314.121	-
Thu nhập khác	2.305.754.128	1.564.851.188
Cộng	5.420.068.249	1.564.851.188

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	64.246.680	2.986.666.273
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	64.246.680	2.986.666.273
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6	299
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 4 tháng 8 năm 2011, Chủ tịch UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 79/GCN-UBCK cho Công ty chào bán 50.000.000 cổ phiếu ra công chúng, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, trong đó: 44.500.000 cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu; 500.000 cổ phiếu chào bán cho cán bộ công nhân viên; 5.000.000 cổ phiếu chào bán cho cổ đông chiến lược. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán tính theo mệnh giá là 500 tỷ đồng.

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu tương ứng trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính.

Nguyễn Ngọc Bằng
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 8 năm 2011

Cao Thị Thanh
Kế toán trưởng